

Bản án số: 65/2026/DS-ST

Ngày: 22-7-2026

V/v đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Yên

2. Ông Hà Vũ Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quý, là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị T, sinh năm 1958, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1985, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tạ Thị T trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 15/7/2015, bà có cho bà Huỳnh Thị K vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Khi vay tiền có làm biên nhận, bà cho bà K vay 01 lần; lãi suất cho vay là 5%/tháng; mục đích cho bà K vay tiền là để làm ăn; thời hạn vay không có xác định; bà K không trả nợ gốc thì đóng lãi hàng tháng. Sau khi bà K vay tiền từ năm 2015 đến nay không có đóng lãi, không có trả gốc cho bà. Lý do bà chậm khởi kiện là trước đây bà có cho bà K vay tiền, số tiền ban đầu là 10.000.000 đồng, bà K đóng lãi đầy đủ và trả xong tiền gốc; sau

đó bà **K** mới vay tiếp của bà số tiền 20.000.000 đồng. Do là chỗ làm ăn và gia đình bà **K** có điều kiện trả nợ nên bà mới không khởi kiện; mặc khác bà **K** có gặp và năng nỉ bà cho bà **K** chậm trả. Trước khi khởi kiện bà nhiều lần đến nhà gặp bà **K** nhưng bà **K** cứ lẩn tránh, chồng bà **K** còn kêu bà đi thưa kiện. Nay bà yêu cầu bà **Huỳnh Thị K** trả cho bà số tiền vay còn nợ, tiền gốc là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 09/7/2026, bị đơn bà **Huỳnh Thị K** trình bày:*

Vào năm 2015, bà có vay của bà **Tạ Thị T** số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay bà không có trả tiền gốc. Nay bà **T** khởi kiện yêu cầu bà trả tiền gốc số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; bà đồng ý trả đủ số tiền gốc theo yêu cầu của bà **T**. Tuy nhiên bà xin trả mỗi tháng là 200.000 đồng, trả cho đến khi xong nợ gốc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà **Tạ Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn bà **T** giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà **Huỳnh Thị K** có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn bà **K** giữ nguyên lời trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 166, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Tạ Thị T**. Buộc bà **Huỳnh Thị K** phải trả cho bà **Tạ Thị T** số tiền vay gốc còn nợ là 20.000.000 đồng. Bà **T** không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét. Buộc bà **K** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất và không phải chứng

minh:

- Bà **K** thừa nhận còn thiếu bà **T** số tiền gốc là 20.000.000 đồng, bà **K** thống nhất trả đủ số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu của bà **T**. Bà **T** không yêu cầu tính lãi.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà **T** khởi kiện bị đơn bà **K**, yêu cầu bà **K** phải trả số tiền vay gốc vào năm 2015 đến nay còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà **K** không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án đòi lại tài sản. Bà **K** có địa chỉ cư trú tại **ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long**. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Tạ Thị T:**

Bà **T** yêu cầu bà **K** phải trả số tiền vay gốc còn nợ là 20.000.000 đồng. Bà **K** thừa nhận có vay và còn thiếu bà **T** số tiền gốc là 20.000.000 đồng, bà **K** thống nhất trả đủ số tiền vay gốc còn nợ cho bà **T**. Đây là tình tiết các đương sự thừa nhận và không phải chứng minh. Do đó yêu cầu của bà **T** là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các đương sự không tranh chấp về số tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà **K** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 20.000.000 đồng $\times 5\% = 1.000.000$ đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ các Điều 166, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Tạ Thị T**. Buộc bà **Huỳnh Thị K** phải trả cho bà **Tạ Thị T** số tiền vay gốc còn nợ là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà **Huỳnh Thị K** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.000.000 (một triệu) đồng.

- Bà **Tạ Thị T** không phải chịu án phí; do bà **T** được Tòa án chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 14 – Vĩnh Long;
- PTHADS khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Quảng Thanh Trung